

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **256/2022/HC-PT**

Ngày 17 tháng 11 năm 2022

V/v “*Kiến quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 150/2022/TLPT-HC ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc “*Kiến quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Võ T, sinh năm 1937; địa chỉ: Tổ 16, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị L; địa chỉ: Tổ 16, thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Văn Tr - Văn phòng luật sư V2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Đại D – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Hồ Thị H1 (Phó Trưởng phòng), bà Võ Lê Thảo C, ông Trần Huỳnh Nhật T2 (nhân viên) - Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/9/2021, ngày 01/4/2022 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Võ T, người đại diện theo ủy quyền bà Võ Thị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Lê Văn Tr trình bày:

Ông Võ T nộp hồ sơ đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất đề nghị Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với các thửa đất: Thửa đất số 26 và Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12; Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 04 cùng địa chỉ thôn V, xã V1, thành phố N tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố N. Ngày 20/6/2019, UBND thành phố N có Thông báo số 960/TB-UBND về việc từ chối giải quyết hồ sơ (sau đây viết tắt là Thông báo số 960/TB-UBND) trả toàn bộ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và từ chối làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên cho ông Võ T. Những lý do mà UBND thành phố N nêu trong Thông báo số 960/TB-UBND là không đúng thực tế khách quan với hồ sơ đăng ký đất đai mà ông Võ T đã nộp và không đúng pháp luật đất đai. Ông Võ T có quyền sử dụng đất theo di chúc, đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất, Tòa án đã đình chỉ vụ án yêu cầu hủy di chúc, từ năm 2012 đến nay không có tranh chấp và không có cơ quan nào giải quyết tranh chấp nên đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên. Vì lẽ đó, ông Võ T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 960/TB-UBND và buộc UBND thành phố N thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với các Thửa đất số 26 và Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12; Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 04 cùng địa chỉ thôn V, xã V1, thành phố N cho ông Võ T.

Tại Văn bản số 1512/UBND-TNMT ngày 10/3/2020 và Văn bản số 734/UBND-TNMT ngày 28/01/2022, người bị kiện UBND thành phố N trình bày:

Ông Võ T nộp 03 hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã V1, cụ thể: Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12 (theo Biên nhận số 1071809221 ngày 16/11/2018); Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12 (theo Biên nhận số 1071809220 ngày 16/11/2018) và Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 04 (theo Biên nhận số 1071809224 ngày 16/11/2018) vào các năm 2014, 2016, 2017 và năm 2018. Căn cứ khoản 2, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất N đã có văn bản chuyển hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận các thửa đất nêu trên đến UBND xã V1 để kiểm tra, xác nhận và niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi kiểm tra toàn bộ hồ sơ đăng

ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ T, ngày 20/6/2019, UBND thành phố N ban hành Thông báo số 960/TB-UBND về việc từ chối giải quyết hồ sơ, xét thấy:

Theo Chứng thư kiến điền ngày 01/7/1963, các thửa đất ông Võ T đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thể hiện:

Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12, tương ứng là thửa 183, tờ bản đồ số 1, thôn V, xã V1, thể hiện: Thửa kế Võ Văn D1 (c) hiện Võ C1 canh phụng; theo tóm tắt văn kiện: của ông Võ Văn C2 và vợ Lê Thị Nh chia cho Võ Văn D1 theo tờ tương phân ngày 29-5 T.T13, Võ Văn D1 có đơn xin từ trước cải trang quản thẳng ngày tháng 9 Khải Định 2, loại đất ruộng mía chính.

Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12, tương ứng là thửa 199, tờ bản đồ số 1, thôn V, xã V1, thể hiện: Thửa kế Võ Văn D1 (c) hiện Võ C1 canh phụng; theo tóm tắt văn kiện: của ông Võ Văn C2 và vợ Lê Thị Nh chia cho Võ Văn D1 theo tờ tương phân ngày 29-5 T.T13, Võ Văn D1 có đơn xin cải trang quản thẳng ngày tháng 9 Khải Định 2, loại đất mía.

Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 04: tương ứng là thửa 129, tờ bản đồ số 1, thôn V, xã V1, thể hiện: Thửa kế Võ Văn D1 (c) hiện Võ C1 cư phụng; theo tóm tắt văn kiện: của ông Võ Văn C2 và vợ Lê Thị Nh để lại cho Võ Văn D1, văn tự thị thực tháng 9 Khải Định 2, loại đất thổ cư.

Theo Chứng thư kiến điền được diễn giải tại sổ Địa bộ xã V1, tờ bản đồ số 1: Ông Võ Văn D1 (*hiện Võ C1 canh phụng, cư phụng*), theo tóm tắt văn kiện: ông Võ Văn D1 và vợ là Nguyễn Thị Kỳ đều chết để lại cho con trai là Võ Ứng không giấy tờ, Võ ứng chết để lại cho con là Võ C1 không giấy tờ. Hiện do Võ C1 canh tác.

Theo Sổ dã ngoại đo đạc đăng ký năm 2000: thửa đất số 84, tờ bản đồ số 10 (*hệ tọa độ HN72*) do ông Võ Bảy kê khai (*nay là thửa 76, tờ bản đồ số 12*); thửa đất số 10, tờ bản đồ số 10 (*hệ tọa độ HN72*) là đất nghĩa địa không có người kê khai (*nay là thửa 26, tờ bản đồ số 12*); thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8 (*hệ tọa độ HN72*) kê khai đăng ký là Nhà thờ họ (*nay là thửa 111, tờ bản đồ số 4*). Hiện trạng Nhà thờ họ: đã rào, xây dựng tường rào và thu hồi một phần xây dựng trụ điện đường dây điện 500KV.

Qua các giấy tờ nêu trên thể hiện, ông Võ C1 chỉ là người canh phụng, cư phụng (*theo Chứng thư kiến điền*); các thửa đất được kê khai là đất ông Võ Bảy kê khai; đất nghĩa địa không có người kê khai; đất Nhà thờ họ (*theo sổ dã ngoại*).

Theo Quyết định Giám đốc thẩm số 591/2017/DS-GĐT ngày 15/8/2011 của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao, quyết định “*Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2010/DS-PT ngày 05/7/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2010/DS-ST ngày 11/3/2010 Tòa án nhân*

dân thành phố N về vụ án “Yêu cầu hủy di chúc”... Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật”. Nội dung quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm và Bản án dân sự phúc thẩm cụ thể là bác yêu cầu của nguyên đơn Võ Đồng, Võ Nuôi về việc yêu cầu hủy một phần di chúc ông Võ C1 lập ngày 07/11/1998, đã được UBND xã V1 xác nhận ngày 09/11/1998.

Ngày 11/9/2012, Tòa án nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 384/2012/ĐC-DSPT đình chỉ giải quyết vụ án; ngày 05/10/2012, ông Võ Đồng có đơn kháng cáo, ngày 14/12/2012, ông Võ Đồng có đơn rút kháng cáo. Từ năm 2015 đến 2018, Tòa án nhân dân thành phố N chưa nhận được đơn khởi kiện nào khác của các đương sự liên quan và không ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nào đối với hồ sơ trên.

Từ những cơ sở nêu trên, UBND thành phố N nhận thấy: Qua các giấy tờ được lưu trữ tại cơ quan Nhà nước thể hiện: Ông Võ C1 chỉ là người canh phụng, cư phụng (*theo Chứng thư kiến điền*); các thửa đất ông Võ T nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được kê khai là đất ông Võ Bảy kê khai; đất nghĩa địa không có người kê khai; đất Nhà thờ họ (*theo sổ dã ngoại*), chưa thể hiện thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Võ C1. Đồng thời, vụ án “Yêu cầu hủy di chúc” vẫn đang đình chỉ chưa có kết quả giải quyết cuối cùng liên quan việc xác định quyền sử dụng đất đối với các thửa đất của Tộc họ Võ tại thôn V, xã V1, thành phố N. Do đó, UBND thành phố N ban hành Thông báo số 960/TB-UBND ngày 20/6/2017 về việc từ chối giải quyết hồ sơ của ông Võ T là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu buộc thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ T là không có cơ sở giải quyết.

Tại văn bản số 735/UBND ngày 08/6/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã V1 trình bày:

Năm 2007, UBND xã V1 tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 26 và 76 tờ bản đồ số 12, thửa đất số 111 tờ bản đồ số 04 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất N chuyển đến. Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND xã tiến hành niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai, địa phương không nhận được đơn khiếu nại và ý kiến phản hồi liên quan đến các thửa đất nêu trên. Theo đó, UBND xã đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất N để tiếp tục thụ lý giải quyết. Theo sổ dã ngoại và bản đồ địa chính do xã quản lý thì các thửa đất nêu trên do ông Võ Bảy đại diện kê khai đất họ Võ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 99, 100 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ T về việc hủy Thông báo số 960/TB-UBND ngày 20/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc từ chối giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố N thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất: Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12 (*trương ứng là thửa 183, tờ bản đồ số 1*); Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12 (*trương ứng là thửa 199, tờ bản đồ số 1*) và Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 04 (*trương ứng là thửa 129, tờ bản đồ số 1*) cùng địa chỉ thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cho ông Võ T.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về phân án phí và quyền kháng cáo cho đương sự.

Ngày 23/4/2022, người đại diện theo ủy quyền của ông Võ T là bà Võ Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Thông báo số 960/TB-UBND và buộc UBND thành phố N thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với các Thửa đất số 26 và Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12; Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 04 cùng địa chỉ thôn V, xã V1, thành phố N cho ông Võ T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Võ T không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo và không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Chứng thư kiến điền ngày 01/7/1963 thể hiện nguồn gốc các thửa đất số 26 (*thửa 183, tờ bản đồ số 1*), thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12 (*thửa 199, tờ bản đồ số 1*) và thửa đất số 111, tờ bản đồ số 04 (*thửa 129, tờ bản đồ số 1*) cùng địa chỉ thôn V, xã V1, thành phố N là của cụ Võ Văn C2 và vợ Lê Thị

Nh để lại cho ông Võ Văn D1 thừa kế (theo tờ tương phân ngày 29-5 T.T13 và văn tự thị thực tháng 9 Khải Định 2). Sau khi ông D1 chết, ông Võ C1 là người quản lý sử dụng đất (ở và canh tác). Ngày 07/11/1998, cụ Võ C1 lập di chúc để lại cho người khởi kiện là ông Võ T (con trai cụ Võ C1) thừa kế 03 thửa đất nêu trên.

Tuy nhiên, theo Sổ dã ngoại đo đạc đăng ký năm 2000 thì thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12 là do ông Võ Bảy đăng ký, kê khai; thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12 là đất nghĩa địa không có người kê khai và thửa 111, tờ bản đồ số 4 được đăng ký, kê khai là Nhà thờ họ. Hiện trạng đã xây dựng nhà thờ họ và đã xây dựng tường rào. Như vậy, theo Sổ dã ngoại đo đạc đăng ký năm 2000 thì các thửa đất ông Võ T đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thửa đất do người khác kê khai đăng ký; có thửa đất là đất nghĩa địa; có thửa đất nhà thờ, tường rào của tộc họ võ đang tồn tại và không thể hiện việc quản lý, sử dụng, đăng ký, kê khai của ông Võ T nên chưa có cơ sở xác định quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Võ T đối với các thửa đất số 26, thửa đất số 76 và thửa đất số 111 mà ông Võ T đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, theo Quyết định Giám đốc thẩm số 591/2017/DS-GĐT ngày 15/8/2011 của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao nhận định: vào thời điểm năm 1982 và năm 1991, ông Võ C1 đã lập văn bản giao lại nhà thờ tộc họ Võ và các thửa đất số 26, thửa đất số 76, thửa đất số 111 nêu trên cho tộc họ Võ quản lý, sử dụng; tộc họ Võ đã kê khai đăng ký tại sổ địa chính xã V1 và đóng thuế đầy đủ cho Nhà Nước. Việc ông Võ C1 đã giao các thửa đất số 26, thửa đất số 76, thửa đất số 111 nêu trên cho tộc họ Võ quản lý, sử dụng đã phát sinh vụ án tranh chấp dân sự do tộc họ Võ khởi kiện: “Yêu cầu hủy di chúc ngày 07/11/1998 của cụ Võ C1” và vụ án này đã được Quyết định Giám đốc thẩm số 591/2017/DS-GĐT ngày 15/8/2011 của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao xác định các thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của tộc họ Võ và từ đó quyết định hủy bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm của Tòa án 2 cấp tỉnh Khánh Hòa (đã bác yêu cầu khởi kiện của tộc họ Võ) để xét xử lại nhằm bảo vệ quyền lợi ích cho tộc họ Võ; vụ án này, hiện nay Tòa án nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 384/2012/ĐCDS-ST ngày 11/9/2012. Vì vậy, chưa có Bản án hoặc Quyết định nào có hiệu lực pháp luật để xác định ông Võ C1 có quyền lập di chúc để lại các thửa đất trên cho ông Võ T, chưa có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên là của ông Võ T nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Từ nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Võ T là bà Võ Thị L.

Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Võ T phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Võ T là bà Võ Thị L; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ Điều 99, 100 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ T về việc hủy Thông báo số 960/TB-UBND ngày 20/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc từ chối giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố N thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất: Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12 (*trương ứng là thửa 183, tờ bản đồ số 1*); Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12 (*trương ứng là thửa 199, tờ bản đồ số 1*) và Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 04 (*trương ứng là thửa 129, tờ bản đồ số 1*) cùng địa chỉ thôn V, xã V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cho ông Võ T,

Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Võ T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu số 09895 ngày 28/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh tỉnh Khánh Hòa.

Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh